

Bản án số: **39** /2022/HS - ST
Ngày: 20 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮKLẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Mẫn
2. Bà Trần Thị Thanh Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2022/TLST - HS ngày 30 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thành T**

Sinh ngày: 28/02/1988, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc S, sinh năm: 1954 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1959, có vợ là Phạm Thị D (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2012; Tiền án, Tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 12/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm c khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự theo bản án số 03/2022/HS-ST ngày 12/01/2022.

Hiện bị cáo Trương Thành T đang chấp hành án theo bản án số 03/2022/HS-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Trần Thị C, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trương Ngọc S, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Người làm chứng: Bà Vũ Thị N, sinh năm: 1967 (có đơn xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2020, Trương Thành T là cán bộ văn hóa làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tar, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, với công việc được giao thì T không có chức năng, nhiệm vụ làm hồ sơ, thủ tục để đưa người đi xuất khẩu lao động. Tuy nhiên thông qua bà Vũ Thị N làm việc tại bộ phận xóa đói giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân xã Ea Tar, Trương Thành T biết được bà Trần Thị C có nhu cầu cho con bà C là Bùi Văn K đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản với chi phí là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), bà C chỉ cần lo số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), số tiền còn lại sẽ được vay tại ngân hàng chính sách khi hồ sơ xuất khẩu lao động hoàn tất thì bà C đồng ý. Sau đó, T nhờ bà N liên lạc với bà C để thu thập các giấy tờ liên quan đến con bà C là Bùi Văn K để đưa cho T.

Trong khoảng thời gian này có nhiều người gọi điện đến yêu cầu T phải trả nợ. Do không có tiền, lúc này T đã liên lạc với bà C yêu cầu bà C đưa tiền cho T để làm thủ tục, hồ sơ xuất khẩu lao động cho anh Bùi Văn K thì bà C có đưa cho T 02 lần: lần thứ nhất vào ngày 21/8/2020 tại Ủy ban nhân dân huyện Cư M'gar bà C giao cho T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và T hẹn sẽ đưa phiếu thu cho bà C sau; lần thứ hai vào ngày 22/8/2020 tại nhà bà C, T yêu cầu bà C đưa thêm số tiền 20.000.000đ. Tổng số tiền T nhận của bà C để làm hồ sơ thủ tục, hồ sơ đưa Bùi Văn K đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Sau khi nhận được tiền của bà C thì T không làm hồ sơ, thủ tục như đã thỏa thuận với bà C mà sử dụng số tiền này để trả nợ, tiêu xài vào mục đích cá nhân hết. Sau đó bà C liên lạc với T hỏi về tiến độ làm thủ tục cho Bùi Văn K thì T đã tạo niềm tin cho bà C bằng cách sử dụng sim điện thoại số 0843546769 giả mạo là nhân viên “Công ty XKLD Đắk Lắk” rồi nhắn tin cho bà C về các thông tin liên quan đến việc làm thủ tục cho Bùi Văn K đi xuất khẩu lao động, đồng thời T tự soạn thảo hợp đồng lao động số 2163 ngày 20/8/2020 giữa con bà C là Bùi Văn K với Công ty XKLD Đắk Lắk đưa cho bà Trần Thị C.

Ngày 20/9/2021 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk có công văn số 1867 cung cấp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk không ký hợp đồng lao động với công dân Bùi Văn K, sinh ngày 11/12/2001, địa chỉ: Thôn 1, xã EaTar, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk; Tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk chỉ có 02 doanh nghiệp được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc nước ngoài là: Công ty cổ phần Đào tạo Nhân lực Quốc tế Tây Nguyên và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn du học hợp tác Quốc tế Tây Nguyên.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKS ngày 30 tháng 8 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã truy tố bị cáo Trương Thành T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản khoản 1 Điều 174, điểm b, h, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thành T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trương Thành T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 40.000.000đ cho bà Trần Thị C và bà C không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự

Về xử lý vật chứng: 01 hợp đồng lao động số 2163 HĐLĐ ngày 20/8/2020 giữa Bùi Văn K với Công ty XKLD Đắc Lắc (bản phô tô); 01 giấy nhận tiền (hẹn trả tiền) ngày 29/10/2020 (bản gốc); 01 giấy viết tay thể hiện nội dung hẹn ngày trả nợ có chữ ký, tên Trương Thành T (bản gốc); 03 tài liệu in trên khổ giấy A4, trong đó có 02 tài liệu được in ra từ cuộc hội thoại tin nhắn do số điện thoại 0843546769 gửi đến, 01 tài liệu được in ra từ cuộc hội thoại tin nhắn do số điện thoại 0985049944 (Thăng sô) gửi đến. Đây là các tài liệu liên quan đến vụ án nên được thống kê lưu trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo không ý kiến tranh luận gì, bà C xin cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện CưM'gar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình đã thực hiện, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và phù hợp các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng tháng 8/2020 tại xã EaTar, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắc Lắc Trương Thành T mặc dù không có khả năng làm hồ sơ, thủ tục để đưa người đi xuất khẩu lao động nhưng bằng thủ đoạn gian dối T giới thiệu mình có khả năng làm thủ tục cho con bà Trần Thị C đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản để chiếm đoạt tổng số tiền 40.000.000đ. Sau khi nhận tiền thì Trương Thành T

không làm hồ sơ, thủ tục mà sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân và không có khả năng trả lại cho bà C.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Thành T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo phải biết tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo:

Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trong quá trình làm việc tại Ủy ban nhân dân xã EaTar bị cáo được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen vì có thành tích trong công tác, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm hình phạt ở mức nhẹ nhất, bà nội bị cáo là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bố đẻ bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

Khi Trương Thành T biết được bà Trần Thị C có nhu cầu cho con đi xuất khẩu lao động thông qua bà Vũ Thị N, và bà N đã giúp T lấy một số giấy tờ từ bà C. Tuy

nhiên bà N không hành biết hành vi lừa đảo của Trương Thành T và không được hưởng lợi gì từ T. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ M'gar không đề cập xử lý đối với Vũ Thị N là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 hợp đồng lao động số 2163 HĐLĐ ngày 20/8/2020 giữa Bùi Văn K với Công ty XKLD Đắc Lắc bản phô tô (bút lục 31, 32); 01 giấy nhận tiền (hẹn trả tiền) ngày 29/10/2020 bản gốc (bút lục 29); 01 giấy viết tay thể hiện nội dung hẹn ngày trả nợ có chữ ký, tên Trương Thành T bản gốc (bút lục 30); 03 tài liệu in trên khổ giấy A4, trong đó có 02 tài liệu được in ra từ cuộc hội thoại tin nhắn do số điện thoại 0843546769 gửi đến, 01 tài liệu được in ra từ cuộc hội thoại tin nhắn do số điện thoại 0985049944 (Thăng sơ) gửi đến (bút lục 33, 34, 35). Đây là các tài liệu liên quan đến vụ án nên được thống kê lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Trương Thành T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho bà Trần Thị C, bà C không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận bồi thường trên.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Tuyên bố:** Bị cáo Trương Thành T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm điểm b, h, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thành T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù

Tổng hợp hình phạt của bản án số 03/2022/HS-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cờ M'gar xử phạt 03 năm 06 tháng tù. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành tổng cộng: 04 năm 09 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/8/2021

[2]. **Về vật chứng:** Lưu hồ sơ vụ án 01 hợp đồng lao động số 2163 HĐLĐ ngày 20/8/2020 giữa Bùi Văn K với Công ty XKLD Đắc Lắc bản phô tô (bút lục 31, 32); 01 giấy nhận tiền (hẹn trả tiền) ngày 29/10/2020 bản gốc (bút lục 29); 01 giấy viết tay thể hiện nội dung hẹn ngày trả nợ có chữ ký, tên Trương Thành T bản gốc (bút lục 30); 03 tài liệu in trên khổ giấy A4, trong đó có 02 tài liệu được in ra từ cuộc hội thoại tin nhắn do số điện thoại 0843546769 gửi đến, 01 tài liệu được in ra từ cuộc hội thoại tin nhắn do số điện thoại 0985049944 (Thăng sơ) gửi đến (bút lục 33, 34, 35).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 2015; khoản 1 Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015

Công nhận ông Trương Ngọc S tự nguyện bồi thường cho bà Trần Thị C số tiền 40.000.000 đồng thay cho bị cáo Trương Thành T.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trương Thành T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

[4] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- S Tư pháp tỉnh Đắk Lắk ;
- Vụ giám đốc kiểm tra I;
- CA huyện; VKS huyện CưM'gar;
- T.H.A Dân sự; T.H.A Hình sự ;
- Bị cáo, bị hại;.....
- Lưu hồ sơ; lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu